TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1595/2025/DS-ST
Ngày 30-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng trích thưởng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Nguyễn Minh Nghĩa

Ông Nguyễn Đình Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng trích thưởng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5175/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16330/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Kim K, sinh năm 1964; địa chỉ: số E J, S - gu, B, Hàn Quốc; địa chỉ liên hệ: số D B, khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hà Đ, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: số D B, tổ A, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/4/2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đ1; địa chỉ trụ sở: thửa đất số 5998, tờ bản đồ số 60, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ văn phòng G: số D, đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh T - chức vụ: Tổng Giám đốc; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lâm Thanh N, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ hiện nay: số F, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của ông Lâm Thanh N: Bà Nguyễn Thị Hà Đ, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: số D B, tổ A, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/4/2025); có mặt.

2. Công ty TNHH H1; địa chỉ: số F C, khu phố H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kwack Hee W - chức vụ: Chủ tịch; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2025; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 09/5/2025, bản tự khai ngày 26/6/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Kim K do bà Nguyễn Thị Hà Đ đại diện trình bày:

Công ty Cổ phần Đ1 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ1) đã ký 02 Hợp đồng trích thưởng ngày 20/10/2023 (Hợp đồng 01) và ngày 26/10/2023 (Hợp đồng 02) với ông Kim K về việc Công ty Đ1 khoán và ủy quyền cho ông Kim K tìm kiếm khai thác, quan hệ, không bao gồm lập hồ sơ đấu thầu, xét thầu, dẫn dắt cho Công ty Đ1 ký kết được Hợp đồng xây dựng dự án: SANG A VINA FACTORY PROJECT – PHASE 1, Hợp đồng có giá trị trích thưởng và tiến độ thanh toán như sau: Hợp đồng trích thưởng ký ngày 20/10/2023 gọi tắt là hợp đồng 01: Tổng số tiền trích thưởng 4.600.000.000 đồng (bốn tỷ sáu trăm triệu đồng). Tiến độ thanh toán: Công ty K3 cho ông Kim K sau khi Công ty Đ1 nhận tạm ứng từ nhà thầu chính với số tiền thanh toán: 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng), số tiền còn lại Công ty K3 theo tiến độ của hợp đồng thi công.

Hợp đồng trích thưởng ký ngày 26/10/2023 gọi tắt là hợp đồng 02: Tổng số tiền trích thưởng 5.200.000.000 đồng (năm tỷ hai trăm triệu đồng). Tiến độ thanh toán: Công ty K3 cho ông Kim K sau khi Công ty Đ1 nhận tiền đợt 02 từ nhà thầu chính với số tiền thanh toán 2.600.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm triệu đồng). Số tiền còn lại Công ty K3 theo tiến độ của hợp đồng thi công.

Căn cứ Hợp đồng thầu xây dựng nhà máy mới Sang A Vina ngày 10/10/2023 giữa bên giao thầu là Sang A V và bên nhận thầu là Công ty TNHH H1 Co.,LTD thể hiện tên công trình Xây dựng nhà máy mới Sang A, thời gian dự định hoàn công 08 tháng, giá trị hợp đồng 165.200.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm tỷ hai trăm triệu đồng).

Dựa trên hợp đồng thầu xây dựng, ông Kim K đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, đã hỗ trợ Công ty Đ1 hoàn thành việc ký nhận thầu thi công theo hợp đồng thầu: SANG-A/HYE-KKP-25112023; Phụ lục số ngày 25/11/2023

giữa Công ty TNHH H1 và Công ty Đ1, giá trị hợp đồng là 118.578.484.000 đồng và đã tiến hành thi công.

Công ty Đ1 đã hoàn thành tiến độ thi công qua nhiều giai đoạn, có nghiệm thu hoàn thành và đã nhận được thanh toán từ bên nhà thầu là Công ty TNHH H1. Tuy nhiên, Công ty Đ1 đã không thực hiện đúng nội dung đã cam kết trích thưởng đã ký với ông Kim Kyeong M, cụ thể:

Căn cứ chứng thư bảo lãnh số 282MD2334825416 ngày 14/12/2023 của Ngân hàng M1 về việc bảo lãnh Công ty TNHH H1 thanh toán tạm ứng cho bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 theo Hợp đồng số SANG-A/HYE-KKP-25112023 ngày 25/11/2023 về việc thi công xây dựng Nhà máy M2, hạn bảo lãnh ngày 31/07/2024 với số tiền bảo lãnh và thầu chính đã thanh toán tạm ứng là 23.715.696.800 đồng (hai mươi ba tỷ bảy trăm mười lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Căn cứ theo hợp đồng 01 thể hiện nội dung, tiến độ thanh toán: Công ty K3 cho ông Kim K sau khi Công ty Đ1 nhận tạm ứng từ nhà thầu chính với số tiền thanh toán 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng). Số tiền còn lại Công ty K3 theo tiến độ của hợp đồng thi công, đã thi công tính đến thời điểm chấm dứt công trình trước hạn là 52,28% trên tổng giá trị thi công, tương ứng số tiền trích thưởng ông Kim K nhận được là 1.202.440.000 đồng (một tỷ hai trăm lẻ hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, Công ty Đ1 phải trả cho ông Kim K tính từ sau ngày Công ty Đ1 nhận tạm ứng 15/12/2023 (493 ngày) là 946.138.586 đồng (chín trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng). Tổng số tiền Công ty Đ1 phải thanh toán theo Hợp đồng số 01 là 2.300.00.000 đồng + 1.202.440.000 đồng + 946.138.586 đồng = 4.448.578.586 đồng (Bốn tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng).

Căn cứ theo Hợp đồng số 02 thể hiện nội dung, tiến độ thanh toán: Công ty K3 cho ông Kim K sau khi Công ty Đ1 nhận tiền đợt 02 từ nhà thầu chính với số tiền thanh toán 2.600.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm triệu đồng). Số tiền còn lại Công ty K3 theo tiến độ của hợp đồng thi công, đã thi công tính đến thời điểm chấm dứt công trình trước hạn là 52,28% trên tổng giá trị thi công, tương ứng số tiền trích thưởng ông Kim K nhận được là 1.359.280.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, Công ty Đ1 phải trả cho ông Kim K tính từ sau ngày Công ty Đ1 nhận tạm ứng đợt 02 ngày 30/01/2024 (493 ngày) là 946.138.586 đồng (chín trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng). Tổng số tiền Công ty Đ1 phải thanh toán theo Hợp đồng số 02 là 2.600.000.000 đồng + 1.359.280.000 đồng + 946.138.586 đồng = 4.929.032.416 đồng (bốn tỷ chín trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm mười sáu đồng.

Sau khi trừ đi các đợt thanh toán của Công ty Đ1 đã thanh toán cho ông Kim K qua tài khoản ngân hàng của ông Kim Kyeong M, từ sao kê các lệnh ngân hàng với tổng số tiền là 2.600.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm triệu đồng). Tổng số tiền Công ty Đ1 phải thanh toán cho ông Kim K theo hai Hợp đồng 01 và Hợp đồng 02 là 4.448.578.586 đồng + 4.929.032.416 đồng – 2.600.000.000 đồng = 6.777.611.003 đồng (sáu tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm mười một nghìn không trăm lẻ ba đồng).

Thực tế, thể hiện tại Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình theo giai đoạn hoàn thành lần 01 số HYE-KKP-30012024 vào ngày 30/01/2024, tổng giá trị thanh toán nghiệm thu 18.070.560.000 đồng.

Tại Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình theo giai đoạn hoàn thành lần 02 số HYE-KKP-29022024 vào ngày 29/02/2024, tổng giá trị thanh toán nghiệm thu 1.720.440.000 đồng.

Tiếp đến, Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình theo giai đoạn hoàn thành lần 03 số HYE-KKP-26032024 vào ngày 26/3/2024, tổng giá trị thanh toán nghiệm thu 18.491.760.000 đồng.

Ngoài ra, theo Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/6/2024 và Biên bản bù trừ công nợ giữa Công ty Đ1 và Công ty TNHH H1, Công ty TNHH H1 chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ còn lại phát sinh hợp đồng nhà thầu phụ của Công ty Đ1 với tổng số tiền là 22.728.640.583 đồng.

Tất cả những đợt Công ty Đ1 đã nhận tiền thanh toán giá trị thi công theo hợp đồng của Công ty TNHH H1 theo như tiến trình trên, tạm tính ít nhất đã nhận tiền thanh toán 05 (năm) đợt, tuy nhiên Công ty Cổ phần Đ1 đã gian dối trong kinh doanh cho rằng hợp đồng thi công bị chấm dứt trước thời hạn với nhà thầu là Công ty TNHH H1. Do đó, việc không thể thanh toán hợp đồng trích thưởng cho ông Kim K được, điều này trái với điều 2 trong 02 hợp đồng trích thưởng và trái với nhiều thỏa thuận giữa ông Kim K và Công ty Đ1 trong hợp đồng trích thưởng theo form mẫu của Công ty Đ1, trái với quy tắc đạo đức trong kinh doanh.

Công ty Đ1 cố tình che dấu, không thanh toán tiền trích thưởng cho ông Kim K theo thỏa thuận, mặc dù ông Kim K đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty Đ1 cố tình lẩn tránh, không làm việc và thanh toán tiền trích thưởng còn lại cho ông Kim Kyeong M, ông Kim K đã có Thông báo lần 01 vào ngày 15/18/2024 đề nghị Công ty K3 tiền theo Hợp đồng trích thưởng, hạn đến ngày 30/8/2024. Sau ngày này, ông Kim K không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ Công ty Đ1. Do đó, ông Kim K đã tiếp tục gửi Thông báo đề nghị thanh toán lần 02 vào ngày 10/9/2024. Sau khi gửi thông báo đề nghị thanh toán đến nay, ông Kim K vẫn chưa nhận được một khoản tiền hoặc thông báo nào khác về vấn đề thanh toán này, điều này ảnh hưởng rất lớn đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Kim Kyeong M. Số tiền còn lại Công ty K3 cho ông Kim K đến hiện nay là 6.777.611.003 đồng (sáu tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm mười một nghìn không trăm lẻ ba đồng).

Từ những trình bày trên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông Kim K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty K3 số tiền trích thưởng còn nợ và tiền lãi phát sinh tạm tính là 6.777.611.003 đồng (sáu tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu không trăm lẻ ba đồng), thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 04/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thanh N trình bày:

Ngày 26/10/2023, ông Lâm Thanh N và Công ty Đ1 có ký kết Hợp đồng trích thưởng. Theo nội dung Hợp đồng giữa ông Lâm Thanh N và Công ty Đ1, giá trị trích thưởng 1.118.578.400 đồng, tiến độ thanh toán: Công ty K3 cho ông Lâm Thanh N sau khi Công ty Đ1 nhận tạm ứng từ nhà thầu chính với số tiền thanh toán 559.289.200 đồng. Số tiền còn lại Công ty K3 theo tiến độ thi công, theo đó, ông Lâm Thanh N có trách nhiệm hỗ trợ, kết nối, dẫn dắt giúp Công ty Đ1 ký hợp đồng thầu phụ thi công dự án S A Vina F - Phase 1 với Công ty TNHH H1. Theo đó, ông Lâm Thanh N đã hoàn thành đúng, đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng. Sau đó, Công ty Đ1 đã được ký hợp đồng thi công chính thức, tiến hành thi công và đã được nhà thầu chính thanh toán nhiều đợt, cụ thể: Dựa trên hợp đồng thầu xây dựng, ông N đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, đã hỗ trợ Công ty Đ1 hoàn thành việc ký nhận thầu thi công theo hợp đồng thầu: SANG-A/HYE-KKP-25112023; Phụ lục số ngày 25/11/2023 giữa Công ty TNHH H1 và Công ty Cổ phần Đ1, giá trị hợp đồng là 118.578.484.000 đồng và đã tiến hành thi công. Căn cứ tại Thư bảo lãnh số 282MD2334825416 ngày 14/12/2023 của Ngân hàng M1 về việc bảo lãnh Công ty TNHH H1 thanh toán tạm ứng cho bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 theo Hợp đồng số Sang-a/HYE-KPP- 25112023 ngày 25/11/2023 về việc thi công xây dựng Nhà máy M2, hạn bảo lãnh ngày 31/7/2024 với số tiền bảo lãnh và thầu chính đã thanh toán tạm ứng là 23.715.696.800 đồng. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình theo giai đoạn hoàn thành lần 01 số HYE-KKP-30012024 vào ngày 30/01/2024, tổng giá trị thanh toán nghiệm thu 18.070.560.000 đồng. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình theo giai đoạn hoàn thành lần 02 số HYE-KKP-29022024 vào ngày 29/02/2024, tổng giá trị thanh toán nghiệm thu 1.720.440.000 đồng. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình theo giai đoạn hoàn thành lần 03 số HYE-KKP-26032024 vào ngày 26/3/2024, tổng giá trị thanh toán nghiệm thu 18.491.760.000 đồng. Ngoài ra, theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/6/2024 và Biên bản bù trừ công nợ giữa Công ty Đ1 và Công ty TNHH H1, Công ty TNHH H1 chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ còn lại phát sinh hợp đồng nhà thầu phụ của Công ty Đ1 với tổng số tiền là 22.728.640.583 đồng.

Theo hợp đồng thì Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán cho ông N số tiền 559.289.200 đồng (năm trăm năm mươi chín triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn hai trăm đồng) sau khi nhận thanh toán đợt 01 và theo tiến độ đã thi công, tính đến thời điểm chấm dứt công trình trước hạn là 52,28% trên tổng giá trị thi công, tương ứng số tiền trích thưởng ông Lâm Thanh N nhận được số tiền là

292.396.393 đồng. Tổng số tiền mà Công ty Cổ phần Đ1 còn phải thanh toán cho ông Lâm Thanh N là 854.511.576 đồng.

Tuy nhiên, đến nay Công ty Đ1 chỉ mới thanh toán cho ông Lâm Thanh N số tiền 200.000.000 đồng, còn lại số tiền 651.685.594 đồng chưa thanh toán theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Ngoài ra, Công ty Đ1 còn phải chịu khoản lãi phát sinh tính từ sau ngày Công ty Đ1 nhận tạm ứng ngày 15/12/2023 tạm tính đến ngày 04/7/2025 (568 ngày) với số tiền là 202.825.982 đồng.

Hợp đồng trích thưởng giữa ông Lâm Thanh N và Công ty Đ1 là hoàn toàn hợp pháp, có nội dung rõ ràng, giá trị cụ thể, nghĩa vụ thanh toán được xác định. Ông Lâm Thanh N đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng, phía Công ty Đ1 đã nhận được kết quả và lợi ích từ công việc. Ông Lâm Thanh N đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán phần còn lại, tuy nhiên Công ty Đ1 cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lâm Thanh N. Ông Lâm Thanh N có đơn yêu cầu đôc lập yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Đ1 phải thanh toán cho ông Lâm Thanh N tổng số tiền trích thưởng là 854.511.576 đồng, trong đó tiền trích thưởng theo hợp đồng còn nợ là 651.685.594 đồng và tiền lãi là 202.825.982 đồng.

3. Bị đơn Công ty Cổ phần Đ1.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 đã được Tòa án tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kim Kyeong M; đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thanh N và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

4. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 15/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H1 trình bày:

Công ty H2 không thấy có bất cứ trách nhiệm hay nghĩa vụ liên quan gì tới vụ án này. Trong hồ sơ liên quan, công ty H1 nhận thấy "Biên Bản Bù Trừ Công Nợ" đang là điểm xác định sự liên quan của công ty tới vụ án này. Tuy nhiên, cần phải làm rõ rằng "Biên Bản Bù Trừ Công Nợ" chỉ là thỏa thuận cho phép Công ty H3 trừ khoản thanh toán còn phải trả cho Công ty Đ1 và sử dụng khoản tiền đó để trực tiếp trả cho các nhà cung cấp mà Công ty Đ1 còn nợ do Công ty Đ1 đã nhiều lần hứa trả tiền cho các bên nhưng không thực hiện. Ngoài ra, trong B Bù Trừ C mà quý tòa đang có không hề có tên của bên nguyên đơn là ông Kim Kyeong M. Do vậy, Công ty H2 nhận thấy mình hoàn toàn không liên quan tới vụ án của nguyên đơn và bị đơn và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Kim K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thanh N đều do bà Nguyễn Thị Hà Đ đại diện bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Kim K1 số tiền trích thưởng và tiền lãi tổng cộng là 7.423.611.967 đồng; thanh toán cho ông Lâm Thanh N số tiền trích thưởng và tiền lãi tổng cộng là 884.149.880 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Kim K và yêu cầu độc lập của ông Lâm Thanh N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ, buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Kim K1 số tiền theo Hợp đồng trích thưởng và tiền lãi là 7.423.611.967 đồng; thanh toán cho ông Lâm Thanh N số tiền theo Hợp đồng trích thưởng và tiền lãi tổng cộng là 884.149.880 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Kim K có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đ1 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ1) phải thanh toán số tiền mà ông Kim K được hưởng thù lao (trích thưởng) khi đã thực hiện xong công việc theo 02 Hợp đồng trích thưởng ngày 20/10/2023 (Hợp đồng 01) và ngày 26/10/2023 (Hợp đồng 02) về việc Công ty Đ1 khoán và ủy quyền cho ông Kim K tìm kiếm, khai thác, quan hệ, không bao gồm lập hồ sơ đấu thầu, xét thầu, dẫn dắt cho Công ty Đ1 ký kết được Hợp đồng xây dựng dự án: SANG A VINA FACTORY PROJECT - PHASE_1 nên đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng trích thưởng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2] Về thẩm quyền: Ông Kim K là người nước ngoài (có quốc tịch Hàn Quốc). Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty Đ1 có địa chỉ trụ sở tại thửa đất số 5998, tờ bản đồ số 60, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và địa chỉ văn phòng giao dịch tại số D, đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Bị đơn Công ty Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H1 có đơn yêu

cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự có tên trên.

[1.4] Về nghĩa vụ chứng minh: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Công ty Đ1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn Công ty Đ1 vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kim Kyeong M; đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thanh N, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án được xem là đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Kim Kyeong M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thanh N cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Kim KyeongMin có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Đ1 phải thanh toán số tiền mà ông Kim K được hưởng thù lao (trích thưởng) khi đã thực hiện xong công việc theo 02 Hợp đồng trích thưởng ngày 20/10/2023 (Hợp đồng 01) và ngày 26/10/2023 (Hợp đồng 02) về việc Công ty Đ1 khoán và ủy quyền cho ông Kim K tìm kiếm, khai thác, quan hệ, không bao gồm lập hồ sơ đấu thầu, xét thầu, dẫn dắt cho Công ty Đ1 ký kết được Hợp đồng xây dựng dự án SANG A VINA FACTORY PROJECT - PHASE_1 với tổng số tiền trích thưởng còn nợ và tiền lãi là 7.423.611.967 đồng. Ông N có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Công ty Đ1 phải thanh toán cho ông Lâm Thanh N tổng số tiền trích thưởng còn nợ và tiền lãi là 854.511.576 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại Hợp đồng trích thưởng ngày 20/10/2023 có nội dung: Bên A (bên khoán việc và trích thưởng): Công ty Cổ phần Đ1, Bên B (bên nhận khoán việc và nhận thưởng). Hai bên đồng ý ký kết và thực hiện Hợp đồng khoán việc – trích thưởng với các khoản sau đây:

" Điều 1: Các khoản thỏa thuận chung.

1.1.Bên A tự nguyện giao khoán và ủy quyền cho Bên B tìm kiếm khai thác, quan hệ, không bao gồm lập hồ sơ đấu thầu, xét thầu; dẫn dắt cho bên A ký kết được Hợp đồng xây dựng dự án SANG A VINA FACTORY PROJECT - PHASE_1.

1.2. Giá trị hợp đồng tạm tính là: 118.578.484.000 VND, chưa bao gồm thuế, VAT (bằng chữ: một trăm mười tám tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng).

1.3 Bên A đồng ý tự nguyện và cam kết chi trả bằng lợi nhuận của công ty cho Bên B, vì bên B đã đầu tư công sức và trí tuệ, tiền bạc chi phí mọi hoạt động đi lại, giao dịch, tìm kiếm khai thác, quan hệ, để đạt được kết quả tạo cho Bên A thực hiện ký được hợp đồng kinh tế thi công xây dựng công trình này. Nên Bên A tự nguyện trả tiền khoán việc cho Bên B là 4.600.000.000 VND (bằng chữ: bốn tỷ sáu trăm triệu)".

[3.2] Tại Hợp đồng trích thưởng ngày 26/10/2023 có nội dung: Bên A (Bên khoán việc và trích thưởng): Công ty Cổ phần Đ1, Bên B (Bên nhận khoán việc và nhận thưởng), H bên đồng ý ký kết và thực hiện Hợp đồng khoán việc – trích thưởng với các khoản sau đây:

"Điều 1_Các khoản thỏa thuận chung.

1.1. Bên A tự nguyện giao khoán và ủy quyền cho Bên B tìm kiếm khai thác, quan hệ, không bao gồm lập hồ sơ đấu thầu xét thầu; Dẫn dắt cho Bên A ký kết được Hợp đồng xây dựng dự án SANG A VINA FACTORY PROJECT - PHASE_1.

1.2. Giá trị hợp đồng tạm tính là: 118.578.484.000 VND, chưa bao gồm thuế, VAT (bằng chữ: một trăm mười tám tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn đồng).

1.3 Bên A đồng ý tự nguyện và cam kết chi trả bằng lợi nhuận của công ty cho Bên B, vì bên B đã đầu tư công sức và trí tuệ, tiền bạc chi phí mọi hoạt động đi lại, giao dịch, tìm kiếm khai thác, quan hệ, để đạt được kết quả tạo cho Bên A thực hiện ký được hợp đồng kinh tế thi công xây dựng công trình này. Nên Bên A tự nguyện trả tiền khoán việc cho Bên B là 5.200.000.000 VND (bằng chữ: năm tỷ hai trăm triệu)".

- Xét về chủ thể: Bên A là Công ty Đ1 là pháp nhân được thành lập hợp pháp, có người đại diện theo pháp luật ký tên trên hợp đồng trích thưởng là ông Trần Minh T, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đ1, Mã số doanh nghiệp số: 3702506096 cấp lần đầu ngày 13/10/2016 thể hiện người đại diện pháp luật là ông Trần Minh T, chức vụ Tổng giám đốc nên việc ông T đại diện Công ty Cổ phần Đ1 ký kết hợp đồng trích thưởng là hoàn toàn đúng về mặt chủ thể theo quy định pháp luật tại điểm b, e khoản 2 Điều 63 của Luật Doanh nghiệp; Bên B là ông Kim K, có hộ chiếu, thị thực hợp pháp, đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên đảm bảo về mặt chủ thể tham gia giao kết hợp đồng.

- Xét về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên, có đóng dấu doanh nghiệp, mẫu hợp đồng là của Công ty K4 nên thỏa mãn về mặt hình thức.

- Xét về nội dung: Công việc thực hiện cụ thể, rõ ràng, không vi phạm các quy định của pháp luật cũng như không trái với đạo đức xã hội; hợp đồng thể hiện đầy đủ quy định rõ điều kiện thanh toán. Các bên tham gia vào hợp đồng trích thưởng hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối hay nhầm lẫn và hoàn toàn đồng thuận ý chí để giao kết hợp đồng nên có đủ điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

Do đó, căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 120 và Điều 570 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng ký kết giữa ông Kim K1 và Công ty Đ1 hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật về Luật Doanh nghiệp và Luật Dân sự nên đã phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Căn cứ Hợp đồng thầu xây dựng nhà máy mới Sang A Vina ngày 10/10/2023 giữa bên giao thầu: Sang A và bên nhận thầu: H1 Co.,LTD thể hiện: Tên công trình: Xây dựng nhà máy M2; thời gian dự định hoàn công là 08 tháng; giá trị hợp đồng là 165.200.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm tỷ, hai trăm triệu đồng). Dựa trên hợp đồng thầu xây dựng, ông K2 đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, đã hỗ trợ Công ty Đ1 hoàn thành việc ký nhận thầu thi công theo hợp đồng thầu: SANG-A/HYE-KKP-25112023; Phụ lục ngày 25/11/2023 giữa Công ty TNHH H1 và Công ty Đ1, giá trị hợp đồng 118.578.484.000 đồng và đã tiến hành thi công.

Công ty Đ1 đã hoàn thành tiến độ thi công qua nhiều giai đoạn, có nghiệm thu hoàn thành và đã nhận được thanh toán từ bên nhà thầu là Công ty TNHH H1. Tuy nhiên, Công ty Đ1 đã không thực hiện đúng nội dung đã cam kết trích thưởng đã ký với ông Kim Kyeong M, cụ thể:

+ Căn cứ chứng thư bảo lãnh số 282MD2334825416 ngày 14/12/2023 của Ngân hàng M1 về việc bảo lãnh Công ty TNHH H1 thanh toán tạm ứng cho bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 theo Hợp đồng số SANG-A/HYE-KKP-25112023 ngày 25/11/2023 về việc thi công xây dựng Nhà máy M2, hạn bảo lãnh ngày 31/07/2024 với số tiền bảo lãnh và thầu chính đã thanh toán tạm ứng là 23.715.696.800 đồng (hai mươi ba tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm đồng).

+ Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình theo giai đoạn hoàn thành lần 02 số HYE-KKP-29022024 vào ngày 29/02/2024, tổng giá trị thanh toán nghiệm thu là 1.720.440.000 đồng (một tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình theo giai đoạn hoàn thành lần 03 số HYE-KKP-26032024 vào ngày 26/3/2024, tổng giá trị thanh toán nghiệm thu là 18.491.760.000 đồng (mười tám tỷ, bốn trăm chín mươi mốt triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)

+ Căn cứ Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/6/2024 và Biên bản bù trừ công nợ giữa Công ty Đ1 và Công ty TNHH H1, Công ty TNHH H1 chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ còn lại phát sinh hợp đồng nhà thầu phụ của

Công ty Đ1 với tổng số tiền là 22.728.640.583 đồng (hai mươi hai tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng)

Theo đó, số tiền mà Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán cho ông Kim K theo Hợp đồng 01 và Hợp đồng 02 là:

- Hợp đồng trích thưởng số 01, tiến độ thanh toán theo thỏa thuận:

+ Công ty K3 cho ông Kim K sau khi Công ty Đ1 nhận tạm ứng từ Nhà thầu chính với số tiền thanh toán: 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng).

+ Số tiền còn lại Công ty K3 theo tiến độ của hợp đồng thi công, đã thi công tính đến thời điểm chấm dứt công trình trước hạn là 52,28% trên tổng giá trị thi công, tương ứng số tiền trích thưởng mà ông K2 nhận được là 1.202.440.000 đồng (một tỷ, hai trăm lẻ hai triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

+ Tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật: Công ty Đ1 phải trả cho ông Kim K tính từ sau ngày Công ty Đ1 nhận tạm ứng ngày 15/12/2023 đến ngày 26/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm, 651 ngày) là 1.249.363.529 đồng (một tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi chín đồng).

Tổng số tiền Công ty Đ1 phải thanh toán cho ông Kim K theo Hợp đồng số 01 là: 2.300.000.000 đồng + 1.202.440.000 đồng + 1.249.363.529 đồng = 4.751.803.529 đồng (bốn tỷ bảy trăm năm mươi mốt triệu, tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm năm trăm hai mươi chín đồng).

- Hợp đồng trích thưởng số 02, tiến độ thanh toán theo thỏa thuận::

+ Công ty K3 cho ông Kim K sau khi Công ty Đ1 nhận tiền đợt 02 từ nhà thầu chính với số tiền thanh toán là 2.600.000.000 đồng (hai tỷ, sáu trăm triệu đồng).

+ Số tiền còn lại Công ty K3 theo tiến độ của hợp đồng thi công, đã thi công tính đến thời điểm chấm dứt công trình trước hạn là 52,28% trên tổng giá trị thi công, tương ứng số tiền trích thưởng ông K2 nhận được là 1.359.280.000 đồng (một tỷ, ba trăm năm mươi chín triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, Công ty Đ1 phải trả cho ông Kim K tính từ sau ngày Công ty Đ1 nhận tạm ứng đợt 02 ngày 30/01/2024 đến ngày 26/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm, 605 ngày) là: 1.312.528.438 đồng (một tỷ ba trăm mười hai triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng).

Tổng số tiền Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán theo Hợp đồng 02 là: 2.600.000.000 đồng + 1.359.280.000 đồng + 1.312.528.438 đồng = 5.271.808.438 đồng (năm tỷ, hai trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm ba mươi bốn đồng).

Sau khi trừ đi các đợt thanh toán của Công ty Đ1 đã thanh toán cho ông Kim K qua tài khoản ngân hàng, từ sao kê các lệnh ngân hàng tính đến nay là 2.600.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tổng số tiền Công ty Cổ phần Đ1 còn phải thanh toán cho ông Kim K theo hai Hợp đồng số 01; Hợp đồng số 02 và theo tiến độ đã thanh toán còn lại là: (4.751.803.529 đồng + 5.271.808.438 đồng) – 2.600.000.000 đồng = 7.423.611.967 đồng (bảy tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm mười một nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng).

Do đó, việc nguyên đơn ông Kim K khởi kiện yêu cầu bị đơn với Công ty K3 tổng số tiền 7.423.611.967 đồng là khoản tiền trích thưởng (tiền thù lao) còn nợ theo Hợp đồng trích thưởng ngày 20/10/2023, Hợp đồng trích thưởng ngày 26/10/2023 và tiền lãi là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 570, 572 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thanh N:

Ngày 26/10/2023, ông Lâm Thanh N và Công ty Đ1 đã ký Hợp đồng trích thưởng, nội dung tương tự hợp đồng ký giữa Công ty Đ1 với ông Kim K. Theo nội dung hợp đồng, giá trị trích thưởng là 1.118.578.400 đồng, tiến độ thanh toán: Thanh toán lần 01: 559.289.200 đồng sau khi Công ty Đ1 nhận tạm ứng từ nhà thầu chính; số tiền còn lại 559.289.200 đồng, Công ty Đ1 sẽ thanh toán theo tiến độ thi công.

Xét về mặt chủ thể, về nội dung và hình thức của hợp đồng đã ký giữa ông N với Công ty Cổ phần Đ1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 120 và Điều 570 của Bộ L nên đã phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Ông Lâm Thanh N đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ hỗ trợ, kết nối, dẫn dắt để Công ty Đ1 ký hợp đồng thầu phụ thi công Sang A Vina F – Phase 1 với Công ty TNHH H1. Công ty Cổ phần Đ1 đã được ký hợp đồng thi công chính thức, tiến hành thi công và nhận nhiều khoản thanh toán, cụ thể:

+ Đã được thanh toán tạm ứng 23.715.696.800 đồng theo Thư bảo lãnh số 282MD2334825416 ngày 14/12/2023 của Ngân hàng M3.

+ Đã nghiệm thu và thanh toán lần lượt theo các đợt sau: Lần 01 (ngày 30/01/2024): 18.070.560.000 đồng; lần 02 (ngày 29/02/2024): 1.720.440.000 đồng; lần 3 (ngày 26/3/2024): 18.491.760.000 đồng.

+ Theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/6/2024, Công ty TNHH H1 chịu trách nhiệm thanh toán công nợ còn lại 22.728.640.583 đồng.

Theo đó, Công ty Cổ phần Đ1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông N: 559.289.200 đồng (thanh toán lần 01 sau khi nhận tạm ứng) và giá trị theo tiến độ thi công đã đạt 52,28%, tương ứng 292.396.394 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán cho ông Lâm Thanh N là 851.685.594 đồng. Tuy nhiên, đến nay Công ty Đ1 chỉ mới thanh toán cho ông N số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), còn nợ lại số tiền 651.685.594 đồng Công ty Cổ phần Đ1 chưa thanh toán theo đúng cam kết.

Ông Lâm Thanh N đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán phần còn lại, tuy nhiên Công ty Cổ phần Đ1 cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lâm Thanh N. Do đó, ông N có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán cho ông Lâm Thanh N số tiền tổng cộng là: 884.149.880 đồng, trong đó: Tiền phát sinh từ hợp đồng trích thưởng là 651.685.594 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 26/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm, 651 ngày) là 232.464.286 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 570, 572 của Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kim K và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thanh N đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đ1.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 34, 35, 37, 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, các Điều 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 120, 570, 572 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kim K đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 về việc ”Tranh chấp hợp đồng trích thưởng”

Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Kim K số tiền theo Hợp đồng trích thưởng 01, 02 còn nợ và số tiền lãi tổng cộng là 7.423.611.967 đồng (bảy tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm mười một nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thanh N đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 về việc ”Tranh chấp hợp đồng trích thưởng”.

- Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Lâm Thanh N số tiền theo Hợp đồng trích thưởng còn nợ và tiền lãi tổng cộng là 884.149.880 đồng (tám trăm tám mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đ1 phải chịu số tiền là 116.307.762 đồng (một trăm mười sáu triệu ba trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho ông Kim K số tiền 79.888.055 đồng (bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi tám nghìn không trăm năm mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003709, ngày 03/6/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

- Hoàn trả cho ông Lâm Thanh N số tiền 18.817,674 đồng (mười tám triệu tám trăm mười bảy nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004087, ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP. 18 (15)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thanh Tuyền